

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng UBND tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Ngoại vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Giao các cơ quan, đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh cập nhật nội dung điều chỉnh được công bố tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG.

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|------------|--|--|--|---------------|--|
| LĨNH VỰC: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM (04 TTHC) | | | | | | |
| 1 | 2.002311 | Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | 15 hoặc 40 ngày (tùy thuộc cơ quan của người có thẩm quyền nào nhận được hồ sơ, văn bản) | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến | Không thu phí | - Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam. |
| 2 | 2.002312 | Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | 15 hoặc 30 ngày (tùy thuộc cơ quan của người có thẩm quyền nào nhận được hồ sơ, văn bản) | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến | Không thu phí | - Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; |

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|-------------------|---|--|--|--------------------|---|
| 3 | 2.002313 | Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | 15 hoặc 40 ngày (tùy thuộc cơ quan của người có thẩm quyền nào nhận được hồ sơ, văn bản) | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến | Không thu phí | - Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; |
| 4 | 2.002314 | Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ. | 15 hoặc 30 ngày (tùy thuộc cơ quan của người có thẩm quyền nào nhận được hồ sơ, văn bản) | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến | Không thu phí | - Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; |

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ.

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|-----------------------------------|------------|--|---|
| LĨNH VỰC: CÔNG TÁC LÃNH SỰ | | | |
| 1 | 2.002352 | Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020); - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017); - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018); - Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016). |
| 2 | 2.002353 | Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020; - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018; - Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016. |

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|----|------------|--|---|
| 3 | 2.002354 | Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020; - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018; - Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016. |
| 4 | 1.001308 | chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (sau đây viết tắt là Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011); - Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012); - Thông tư số 157/2016/TT-BTC ngày 24/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự; - Công văn số 320/BNG-LS ngày 11/02/2014 của Bộ Ngoại giao về việc ủy quyền cho Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang tiếp nhận hồ sơ Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự và trả kết quả tại địa phương (sau đây viết tắt là Công văn số 320/BNG-LS ngày 11/02/2014). |
| 5 | 2.000238 | Chứng nhận xuất trình giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011; - Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012; - Công văn số 320/BNG-LS ngày 11/02/2014. |